



DAT XANH GROUP



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Tháng 04/2015

M C L C

PH N M U	5
I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L	5
i u 1. Gi i thích thu t ng	5
II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY	5
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty	5
III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY	6
i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty	6
i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng	6
IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P	6
i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p	6
i u 6. Ch ng nh n c phi u	7
i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác	8
i u 8. Chuy n nh ng c ph n	8
i u 9. Thu h i c ph n	8
V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT	8
i u 10. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát	8
VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG	9
i u 11. Quy n c a c ông	9
i u 12. Ngh a v c a c ông	10
i u 13. i h i ng c ông	10
i u 14. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông	11
i u 15. Các i di n c y quy n	13
i u 16. Thay i các quy n	13
i u 17. Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông	14
i u 18. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông	15
i u 19. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i h i ng c ông	15
i u 20. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	17

i u 21. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	17
i u 22. Biên b n h p i h i ng c ông	19
i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông	19
VII. H I NG QU N TR	20
i u 24. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr	20
i u 25. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr	21
i u 26. Ch t ch H i ng qu n tr	23
i u 27. Các cu c h p c a H i ng qu n tr	23
VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY	26
i u 28. T ch c b máy qu n lý	26
i u 29. Cán b qu n lý	26
i u 30. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a T ng giám c i u hành	27
i u 31. Th ký Công ty	28
IX. BAN KI M SOÁT	28
i u 32. Thành viên Ban ki m soát	28
i u 33. Ban ki m soát	29
X. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ KHÁC	30
i u 34. Trách nhi m c n tr ng	30
i u 35. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i	30
i u 36. Trách nhi m v thi th i và b i th ng	31
XI. QUY N I U TRA S SÁCH VÀ H S CÔNG TY	32
i u 37. Quy n i u tra s sách và h s	32
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN	33
i u 38. Công nhân viên và công oàn	33
i u 39. Phân ph i l i nhu n	33
XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN	34
i u 40. Tài kho n ngân hàng	34
i u 41. N m tài chính	34

i u 42. Ch k toán	34
XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG	34
i u 43. Báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý	34
i u 44. Báo cáo th ng ni ên.....	35
XVI. KI M TOÁN CÔNG TY	35
i u 45. Ki m toán	35
XVII. CON D U	35
i u 46. Con d u	35
XVIII. CH M D T HO T NG VÀ THANH LÝ	35
i u 47. Ch m d t ho t ng.....	35
i u 48. Gia h n ho t ng.....	36
i u 49. Thanh lý	36
XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B	37
i u 50. Gi i quy t tranh ch p n i b	37
XX. B SUNG VÀ S A I I U L	37
i u 51. B sung và s a i i u l	37
XXI. NGÀY HI U L C.....	37
i u 52. Ngày hi u l c	37

PH N M U

i u l này c thông qua theo quy t nh h p l c a i h i ng c ông t ch c chính th c vào ngày 14 tháng 09 n m 2013

I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. Gi i thích thu t ng

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng d i ây c hi u nh sau:
 - a. "V n i u l " là s v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 i u l này;
 - b. "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005;
 - c. "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p (Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh) l n u;
 - d. "Cán b qu n lý" là T ng giám c i u hành, Phó T ng giám c, K toán tr ng, và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n;
 - e. "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i Kho n 17 i u 4 Lu t Doanh nghi p;
 - f. "Th i h n ho t ng" là th i gian ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t;
 - g. "Vi t Nam" là n c C ng hoà Xã h i Ch ng h a Vi t Nam;
2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th .
3. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này.

II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên ti ng Vi t : **CÔNG TY C PH N D CH V VÀ XÂY D NG A C T XANH**
 - Tên ti ng Anh : Dat Xanh Real Estate Service and Construction Joint Stock Company.
 - Tên vi t t t : t Xanh
2. Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.
3. Tr s ng ký c a Công ty là:
 - a ch : 27 inh B L nh, Ph ng 24, Qu n Bình Th nh, Tp.HCM.

- Điện thoại : (84-8) 62 52 52 52
- Fax : (84-8) 62 85 38 96
- E-mail : info@datxanh.com.vn
- Website : http://www.datxanh.com.vn

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đi n theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng người đi n tại bàn kinh doanh thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trước khi chấm dứt hoạt động trở lại theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 Điều này, thì người n hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất. Tư vấn bất động sản (trả các dịch vụ mang tính chất pháp lý). Tư vấn đầu tư. Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Sửa chữa nhà. Trang trí nội thất. Cho thuê nhà, xe, văn phòng. Lắp đặt điện tử (báo cáo tiến hành thi, khởi thi). Sản phẩm mỹ nghệ. Dạy nghề. /.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là Công ty sẽ thành lập huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm nhân viên, cải thiện môi trường làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty sẽ phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo pháp luật cho phép và các điều kiện công thông qua.

IV. VỐN ĐẦU TƯ, CẤU PH N, CÔNG SÁNG L P

Điều 5. Vốn đầu tư, cấu trúc vốn, công sáng lập

1. Vốn đầu tư của Công ty là **1.062.454.690.000 VND** (bằng chữ : **Một ngàn không trăm sáu mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi mốt nghìn** đồng).
Tổng số vốn đầu tư của Công ty sẽ chia thành 106.245.469 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể tăng vốn đầu tư khi cần điều kiện công thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các thành phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm các thành phần thông. Các quy định và nghĩa vụ kèm theo thành phần quy định tại Điều 11.
4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng chứng khoán và các chi tiết khác về chứng khoán sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục I kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Chứng khoán ưu tiên chào bán cho các công nhân viên theo thỏa thuận quy định tại Điều lệ chứng khoán của Công ty, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quyết định khác. Chứng khoán không ký mua hàng của Hội đồng quản trị của Công ty quy định. Hội đồng quản trị có thể phân phối chứng khoán cho các cá nhân theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán chứng khoán theo các điều kiện thu nhập liên quan với những cá nhân chào bán cho các công nhân viên trừ trường hợp chứng khoán được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức ưu đãi.
7. Công ty có thể mua chứng khoán do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Chứng khoán do Công ty mua lại là chi phí ưu đãi và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận chi phí

1. Công ty chấp nhận chi phí ưu đãi quy định tại Điều lệ này và loại chứng khoán ưu đãi.
2. Chứng nhận chi phí ưu đãi có được của Công ty và chi phí ưu đãi đi kèm theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận chi phí ưu đãi ghi rõ số lượng và loại chứng khoán ưu đãi mà công nhân viên, họ và tên công nhân viên và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nộp hồ sơ chứng nhận quy định số lượng chứng khoán theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán dứt khoát mua chứng khoán theo quy định tại phụ lục kèm theo chứng khoán của Công ty, người sở hữu chứng khoán chấp nhận chi phí ưu đãi. Người sở hữu chứng khoán phải trả cho Công ty chi phí liên quan chứng nhận chi phí ưu đãi.
4. Trường hợp chứng nhận chi phí ưu đãi bị hủy hoặc bị xoá hoặc bị ảnh hưởng, mặt tiếp theo bị tiêu hủy, người sở hữu chứng khoán có thể yêu cầu chấp nhận chi phí ưu đãi miễn trừ điều kiện phải trả bằng chứng quy định về số lượng chứng khoán và thanh toán mặt chi phí liên quan cho Công ty.

điều 7. Chế độ chi trả khoản khác

Chế độ chi trả phí thuế của các chế độ chi trả khoản khác của Công ty (trừ các thuế chào bán, các chế độ chi trả thuế và các tài liệu thuế) được phát hành có dấu và chữ ký của người đi nộp theo pháp luật của Công ty.

điều 8. Chuyển nhượng quyền

1. Tất cả các quyền lợi do chuyển nhượng quyền khi đi nộp này và pháp luật có quy định khác. Các phí thuế trên Sổ giao dịch chế độ chi trả khoản được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chế độ chi trả khoản và thủ tục chế độ chi trả khoản.
2. Các quyền lợi của thanh toán viên không được chuyển nhượng và hàng các quy định liên quan như quy định về thuế, quy định về phí thuế phát hành chứng vôn của phần tử nguồn vốn của xã hội, quy định mua các phí thuế chào bán.

điều 9. Thu hồi các quyền

1. Trường hợp công đồng không thanh toán viên và ứng dụng số tiền phí thuế mua các phí thuế, Hội đồng quản trị thông báo và có quy định yêu cầu công đồng thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán viên gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tính từ ngày là 07) ngày kể từ ngày ghi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo ứng dụng, số các quyền lợi của thanh toán viên sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quy định thu hồi các quyền lợi của thanh toán viên và ứng dụng trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Các quyền lợi bị thu hồi được coi là các quyền lợi chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc ghi quỹ cho người đã sử dụng các quyền lợi bị thu hồi hoặc các điều kiện khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Công đồng mới các quyền lợi bị thu hồi phải bắt cách công đồng mới về những quyền lợi, những quyền lợi thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan của người đi nộp tiền lãi theo tài khoản (không quá lãi suất huy động bình quân liên ngân hàng mới nhất) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quy định về việc công đồng thanh toán toàn bộ giá trị các phí thuế vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi ngay đến mới các quyền lợi bị thu hồi trực tiếp thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vốn có hiệu lực kể từ trong trường hợp có sai sót hoặc bất cứ trong việc gửi thông báo.

V. CẤU TRÚC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

điều 10. Cấu trúc, quản trị và kiểm soát

Cấu trúc, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Hội đồng;

2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

VI. CÔNG VÀO HỒ SƠ CÔNG ĐÓNG

Điều 11. Quy định về công đóng

1. Công đồng là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số phần và loại phần mà sở hữu. Công đồng chịu trách nhiệm vốn và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ phần thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp hội đồng và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại hội đồng hoặc thông qua đại diện của quyền hoặc thực hiện biểu quyết xa;
 - b. Nhận cổ tức và lợi nhuận theo quy định của hội đồng;
 - c. Chuyển nhượng phần đã thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với loại phần thông mà sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến công đồng trong Danh sách công đồng cách tham gia hội đồng và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp hội đồng và các quy định của hội đồng;
 - g. Trưng họp Công ty khi thấy hợp pháp, nhằm xem xét phần tài sản còn lại tương ứng với số phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các công nợ mà người loại phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Công đồng hoặc nhóm công đồng nắm giữ trên 5% tổng số phần thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp hội đồng theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công đồng có quyền tham dự và biểu quyết tại hội đồng;

- b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kế toán của năm tài chính phản ánh về chi số hữu ích của (1/2) số vốn;
- c. Khi sự thành viên của Hội đồng quản trị hết số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong luật;
- d. Công hoặc nhóm công quy định tại Khoản 3 điều 11 luật này yêu cầu từ một phần ba hội đồng công bằng và công. Yêu cầu từ một phần ba hội đồng phải nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công liên quan hoặc văn bản yêu cầu các thành viên thành lập, trong đó mô tả nội dung chi tiết của dự án và công có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu từ một phần ba Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành vi hoặc có ý định hành vi ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và luật công ty.

4. Trường hợp phải triệu tập hội đồng bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập phải triệu tập hội đồng trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày sự thành viên Hội đồng quản trị còn lại quy định tại điều 6 Khoản 3 điều 13 hoặc nếu yêu cầu quy định tại điều 6 và điều 6 Khoản 3 điều 13;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập phải triệu tập hội đồng theo quy định tại điều 6 Khoản 4 điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập phải triệu tập hội đồng theo quy định Khoản 5 điều 97 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập phải triệu tập hội đồng theo quy định tại điều 6 Khoản 4 điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, công, nhóm công có yêu cầu quy định tại điều 6 Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập phải triệu tập hội đồng theo quy định Khoản 6 điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, công hoặc nhóm công triệu tập phải triệu tập hội đồng có quyền quyết định các quyết định kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của hội đồng. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp của hội đồng của công ty hoàn toàn do công. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công chi tiêu khi tham dự hội đồng, kể cả chi phí ăn và nghỉ.

Điều 14. Quy định và nhiệm vụ của hội đồng

- 1. Hội đồng công thường niên có quyền theo dõi và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm của kế toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. i h i ng c ông th ng niên và b t th ng thông qua quy t nh v các v n sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính n m;
 - b. M c c t c thanh toán hàng n m cho m i lo i c ph n phù h p v i Lu t Doanh nghi p và các quy n g n li n v i lo i c ph n ó. M c c t c này không cao h n m c mà H i ng qu n tr ngh sau khi ã tham kh o ý ki n các c ông t i i h i ng c ông;
 - c. S l ng thành viên c a H i ng qu n tr ;
 - d. L a ch n công ty ki m toán;
 - e. B u, mi n nhi m, bãi nhi m và thay th thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát;
 - f. T ng s t i n thù lao c a các thành viên H i ng qu n tr và Báo cáo t i n thù lao c a H i ng qu n tr ;
 - g. B sung và s a i i u l Công ty;
 - h. Lo i c ph n và s l ng c ph n m i c phát hành i v i m i lo i c ph n và vi c chuy n nh ng c ph n c a thành viên sáng l p trong vòng ba n m u tiên k t ngày thành l p;
 - i. Chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Công ty;
 - j. T ch c l i và gi i th (thanh lý) Công ty và ch nh ng i thanh lý;
 - k. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và các c ông c a Công ty;
 - l. Quy t nh giao d ch bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua có giá tr t 50% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán;
 - m. Công ty mua l i h n 10% m t lo i c ph n phát hành;
 - n. Vi c T ng giám c i u hành ng th i làm Ch t ch H i ng qu n tr ;
 - o. Công ty ho c các chi nhánh c a Công ty ký k t h p ng v i nh ng ng i c quy nh t i Kho n l i u 120 Lu t Doanh nghi p v i giá tr b ng ho c l n h n 20% t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán;
 - p. Các v n khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch khác c a Công ty.
3. Công ông không c tham gia b phi u trong các tr ng h p sau ây:
 - a. Thông qua các h p ng quy nh t i Kho n l i u 14 khi c ông ó ho c ng i có liên quan t i c ông ó là m t bên c a h p ng;
 - b. Vi c mua l i c ph n c a c ông ó ho c c a ng i có liên quan t i c ông ó tr tr ng h p vi c mua l i c ph n c th c hi n theo t l s h u c a t t c các c ông ho c vi c mua l i c th c hi n thông qua kh p l nh ho c chào mua công khai trên S giao d ch ch ng khoán.

4. Tất cả các quy định và các văn bản đã đưa vào chương trình hợp pháp của ra tholon và biểu quyết hiện hành công.

Điều 15. Các điều kiện quy định

1. Các công có quyền tham dự hiện hành công theo luật pháp có thể quyền cho điều kiện của mình tham dự. Trường hợp có nhu cầu thông tin điều kiện chi phí xác nhận chi phí và chi phí của quyền cho mình điều kiện.

2. Việc quy định cho người điều kiện hợp pháp hiện hành công phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp công nhân là người quy định thì giấy quy định phải có chữ ký của công nhân và người quy định;

b. Trường hợp người điều kiện theo quy định của công nhân là người quy định thì giấy quy định phải có chữ ký của người điều kiện theo quy định, người điều kiện theo pháp luật của công nhân và người quy định;

c. Trong trường hợp khác thì giấy quy định phải có chữ ký của người điều kiện theo pháp luật của công nhân và người quy định.

Người quy định hợp pháp hiện hành công phải nộp văn bản quy định trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người quy định ký giấy chuyển điều kiện, việc chuyển điều kiện trong trường hợp này chỉ coi là có hiệu lực nếu giấy chuyển điều kiện đó có xuất trình cùng với giấy quy định cho luật sư hoặc bản sao hợp pháp của giấy quy định (nếu trường hợp có chữ ký của Công ty).

4. Trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, biểu quyết của người quy định hợp pháp trong phạm vi của quyền văn bản có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:

a. Người quy định đã chết, bệnh nhân người có hành vi dân sự hoặc bệnh nhân người có hành vi dân sự;

b. Người quy định đã huỷ việc chuyển quyền;

c. Người quy định đã huỷ việc quy định của người chỉ định của quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận thông báo về mặt trong các sắc lệnh trên thực tế khai mạc cuộc họp hiện hành công hoặc thực tế cuộc họp của triutpl.

Điều 16. Thay đổi các quy định

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quy định bất lợi liên quan tới lợi ích của công nhân chiếm ít nhất 65% chi phí thông tin tham dự thông qua nghị quyết của công nhân chiếm ít nhất 75% quyền biểu quyết của lợi ích của công nhân nói trên biểu quyết thông qua. Việc thực hiện của các công nhân chiếm lợi ích của công nhân thông qua việc thay đổi quy định nêu trên chỉ có giá trị khi có ít nhất hai (02) công nhân (hoặc điều kiện quy định)

c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba (1/3) giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì cu c h p c t ch c l i trong vòng ba m i (30) ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qu a i đi n cu quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ã nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i đi n có th yêu c u b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

2. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 18 và i u 20 i u l này.
3. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ã i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n vi c phân ph i l i nhu n ho c tài s n c a Công ty không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 17. Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr tri u t p i h i ng c ông ho c i h i ng c ông c tri u t p theo các tr ng h p quy nh t i i m b ho c i m c Kho n 4 i u 13 i u l này.
2. Ng i tri u t p i h i ng c ông ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:
 - a. Chu n b danh sách các c ông i u ki n tham gia và bi u quy t t i i h i ch m nh t ba m i (30) ngày tr c ngày b t u ti n hành i h i ng c ông; ch ng trình h p , và các tài li u theo quy nh phù h p v i lu t pháp và các quy nh c a Công ty;
 - b. Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i ;
 - c. Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ông cho t t c các c ông có quy n d h p.
3. Thông báo h p i h i ng c ông c g i cho t t c các c ông ng th i công b trên ph ng ti n thông tin c a S giao d ch ch ng khoán, trên trang thông tin i n t (website) c a công ty. Thông báo h p i h i ng c ông ph i c g i ít nh t m i l m (15) ngày tr c ngày h p i h i ng c ông, (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c b vào hòm th). Ch ng trình h p i h i ng c ông, các tài li u liên quan n các v n s c bi u quy t t i i h i c g i cho các c ông ho c/và ng trên trang thông tin i n t c a Công ty. Trong tr ng h p tài li u không c g i kèm thông báo h p i h i ng c ông, thông báo m i h p ph i nêu rõ a ch trang thông tin i n t các c ông có th ti p c n.
4. C ông ho c nhóm c ông c c p t i Kho n 3 i u 11 i u l này có quy n xu t các v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t ba (03) ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i ng c ông. xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi , và n i dung ngh a vào ch ng trình h p.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ô ng có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n Kho n 4 i u 17 trong các tr ng h p sau:
 - a. xu t c g i n không ú ng th i h n ho c không , không ú ng n i dung;
 - b. Vào th i i m xu t, c ô ng ho c nhóm c ô ng không có ít nh t 5% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu (06) tháng theo quy nh t i Kho n 3 i u 11 i u l này;
 - c. V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c ô ng bàn b c và thông qua;
 - d. Các tr ng h p khác.
6. H i ng qu n tr ph i chu n b d th o ng quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.
7. Tr ng h p t t c c ô ng i di n 100% s c ph n có quy n bi u quy t tr c ti p tham d ho c tham d thông qua i di n c u quy n t i i h i ng c ô ng, nh ng quy t nh c i h i ng c ô ng nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ng h p vi c tri u t p i h i ng c ô ng không theo ú ng trình t và th t c ho c n i dung bi u quy t không có trong ch ng trình.

i u 18. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ô ng

1. i h i ng c ô ng c t i n hành khi có s c ô ng d h p i di n cho ít nh t 65% c ph n có quy n bi u quy t.
2. Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, ng i tri u t p h p hu cu ch p. i h i ng c ô ng ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i (30) ngày k t ngày d nh t ch c i h i ng c ô ng l n th nh t. i h i ng c ô ng tri u t p l i ch c t i n hành khi có thành viên tham d là các c ô ng và nh ng i di n c u quy n d h p i di n cho ít nh t 51% c ph n có quy n bi u quy t.
3. Tr ng h p i h i l n th hai không c t i n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ng c ô ng l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i (20) ngày k t ngày d nh t i n hành i h i l n hai và trong tr ng h p này i h i c t i n hành không ph thu c vào s l ng c ô ng hay i di n u quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n đ ki n c phê chu n t i i h i ng c ô ng l n th nh t.

i u 19. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ô ng

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ô ng, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ô ng và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ô ng có quy n d h p có m t ng ký h t.
2. Khi t i n hành ng ký c ô ng, Công ty c p cho t ng c ô ng ho c i di n c u quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó ghi s ng ký, h và tên c a c ô ng, h và tên i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a c ô ng ó. Khi t i n hành bi u quy t t i i h i, s th tán thành ngh quy t c thu tr c, s th ph n i ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u tán thành, ph n i, b

phiếu trưng hoặc không hợp lệ thì việc của Chủ tịch thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết. Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm kiểm tra phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo nghị quyết của Chủ tịch. Thành viên của ban kiểm phiếu do Hội đồng quy định theo nghị quyết của Chủ tịch nhưng không vượt quá số quy định của pháp luật hiện hành.

3. Công dân Hội đồng nhân dân có quyền ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết thì Hội đồng nhân dân không có trách nhiệm đăng ký cho công dân nhân dân ký và hủy bỏ các biểu quyết đã tiến hành trước khi công dân nhân dân tham dự không bình thường.
4. Chủ tịch Hội đồng nhân dân làm chủ tịch các cuộc họp do Hội đồng nhân dân triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì mời một thành viên khác làm việc thì các thành viên còn lại biểu quyết trong sự làm chủ tịch cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tịch, thành viên Hội đồng nhân dân có chức vụ cao nhất lúc bấy giờ Hội đồng bầu chủ tịch cuộc họp trong số những người dự và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tịch cuộc họp.
Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Hội đồng lúc bấy giờ Hội đồng bầu chủ tịch cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất lúc bấy giờ làm chủ tịch cuộc họp.
5. Chủ tịch là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Hội đồng nhân dân.
6. Chủ tịch Hội đồng nhân dân có thể hoãn Hội đồng nhân dân khi có sự bất đồng ý kiến của Hội đồng nhân dân về số lượng biểu quyết dự họp của Hội đồng nhân dân.
7. Chủ tịch của Hội đồng nhân dân có thể tiến hành các hoạt động công dân thi tập lúc bấy giờ Hội đồng nhân dân một cách hợp lệ và có thể tổ chức Hội đồng nhân dân ánh sáng mong muốn của các biểu quyết tham dự.
8. Hội đồng nhân dân có thể yêu cầu các công dân đi đến cuộc họp nhân dân Hội đồng nhân dân chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng nhân dân cho là thích hợp. Trường hợp có công dân đi đến cuộc họp nhân dân không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng nhân dân sau khi xem xét một cách công dân có thể tổ chức hoặc trực tiếp công dân nêu trên tham gia Hội đồng nhân dân.
9. Hội đồng nhân dân, sau khi đã xem xét một cách công dân, có thể tiến hành các biện pháp của Hội đồng nhân dân cho là thích hợp:
 - a. Bức chế ngay thì ai mà họp Hội đồng nhân dân;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mình người có mặt thì các ai mà họp;
 - c. Tổ chức lúc bấy giờ cho công dân tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân có toàn quyền thay thế những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp của Hội đồng nhân dân theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức khác.

10. Trong trường hợp tiếp thị hàng công có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác nhận thẩm định có thể:

- a. Thông báo tiếp thị hàng công ghi trong thông báo và chốt tiếp thị có mặt tại (“ thẩm định chính xác”);
- b. Bổ trí, tổ chức hàng công hoặc điều chỉnh quy định không được phép theo yêu cầu của nhà cung cấp nếu nhà cung cấp khác với thẩm định chính xác tiếp thị có thể tham gia tiếp thị;

Thông báo về việc tổ chức tiếp thị không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo yêu cầu của nhà.

11. Trong nội dung này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mọi công việc coi là tham gia tiếp thị thẩm định chính xác tiếp thị.

Hàng năm Công ty tổ chức tiếp thị hàng công ít nhất một (01) lần. Tiếp thị hàng công thường niên không thể thực hiện theo lịch kế hoạch ngân sách.

Điều 20. Thông qua quy định thẩm định hàng công

1. Trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quy định thẩm định hàng công và các văn bản sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng quản lý quy định có mặt tại họp hoặc thông qua điều chỉnh quy định tiếp thị hàng công:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Bổ nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo về Hội đồng quản trị nhiệm vụ giám đốc điều hành.

2. Các quy định thẩm định hàng công liên quan đến việc mua và bán, bổ sung nội dung, loại phí và số lượng phí chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thành lập có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng quản lý quy định có mặt tại họp (trong trường hợp họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các công đồng quản lý quy định chấp thuận (nếu việc trường hợp lý kế hoạch ngân sách).

Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục kế hoạch ngân sách thông qua quy định thẩm định hàng công

Thẩm quyền và thủ tục kế hoạch ngân sách thông qua quy định thẩm định hàng công được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lý kế hoạch ngân sách thông qua quy định thẩm định hàng công bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đầy đủ ý kiến, đề xuất quy định của Hội đồng và các tài liệu ghi trình đề xuất như. Phiếu ý kiến kèm theo đề xuất và tài liệu ghi trình phải có ghi bằng văn bản rõ ràng cách ký các thành viên. Hội đồng quản trị phải thông báo, công bố tài liệu cho các thành viên trong một thời gian hợp lý xem xét biểu quyết và ghi kết quả (15) ngày trước ngày họp thường niên phiếu ý kiến.

3. Phiếu ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nội dung ký kinh doanh của Công ty;
- b. Mục đích phiếu ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên là cá nhân; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của thành viên là doanh nghiệp; số đăng ký kinh doanh và số phiếu biểu quyết của thành viên;
- d. Vấn đề cần phiếu ý kiến thông qua quy định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến vì lợi ích của phiếu ý kiến;
- f. Thời hạn phiếu ý kiến Công ty phiếu ý kiến đã chấp thuận;
- g. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu ý kiến đã chấp thuận phải có chức vụ của thành viên là cá nhân, địa chỉ đại diện theo quy định hoặc người đi đại diện theo pháp luật của thành viên là doanh nghiệp.

Phiếu ý kiến gửi Công ty phải được niêm phong kín và không ai được quy định mở trước khi niêm phong. Các phiếu ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn xác định nội dung phiếu ý kiến hoặc đã bỏ phiếu không hợp lệ.

Nếu sau thời hạn quy định trong Phiếu ý kiến của thành viên mà Công ty không nhận được Phiếu ý kiến của thành viên thì coi như thành viên đã vắng mặt tại các vấn đề mà Hội đồng quản trị đã xin ý kiến.

5. Hội đồng quản trị kê khai phiếu và lập biên bản kê khai phiếu để báo cáo Ban kiểm soát hoặc của thành viên không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kê khai phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nội dung ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần phiếu ý kiến thông qua quy định;
- c. Số thành viên vắng mặt biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phần danh sách thành viên tham gia biểu quyết;

d. T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n ;

e. Các quy t nh ã c thông qua;

f. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty và c a ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

6. Biên b n ki m phi u ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n hai m i t (24) gi và g i n các c ông trong vòng m i l m (15) ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u.

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

8. Quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n ph i c s c ông i di n ít nh t 75% t ng s c ph n có quy n bi u quy t ch p thu n và có giá tr nh quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 22. Biên b n h p i h i ng c ông

Ng i ch tr i h i ng c ông ch u trách nhi m t ch c l u tr các biên b n i h i ng c ông. Biên b n i h i ng c ông ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n hai m i b n (24) gi và g i cho t t c các c ông trong th i h n m i l m (15) ngày k t ng ày i h i ng c ông k t thúc. Biên b n i h i ng c ông c coi là b ng ch ng xác th c v nh ng công vi c ã c ti n hành t i i h i ng c ông tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo úng th t c quy nh trong vòng m i (10) ngày k t khi g i biên b n. Biên b n ph i c l p b ng ti ng Vi t, có ch ký xác nh n c a Ch t a i h i và Th ký và c l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l này. Các b n ghi chép, biên b n, s ch ký c a các c ông đ h p và v n b n u quy n tham d ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông

Trong th i h n chín m i (90) ngày, k t ngày nh n c biên b n h p i h i ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông, thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành có quy n yêu c u Toà án ho c Tr ng tài xem xét, hu b quy t nh c a i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ày:

1. Trình t và th t c tri u t p h p i h i ng c ông không th c hi n úng theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l Công ty.

2. Trình t , th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m pháp lu t ho c i u l Công ty.

Tr ng h p quy t nh c a i h i ng c ông b hu b theo quy t nh c a Toà án ho c Tr ng tài, ng i tri u t p cu c h p i h i ng c ông b hu b có th xem xét t ch cli i h i ng c ông trong vòng 30 ngày theo trình t , th t c quy nh t i Lu t Doanh nghi p và i u l này.

VII. H I NG QU N TR

i u 24. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr ít nh t là n m (05) ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i. Nhi m k c a H i ng qu n tr là n m (05) n m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m; thành viên H i ng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . T ng s thành viên H i ng qu n tr c l p ph i chi m ít nh t m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên H i ng qu n tr . S l ng t i thi u thành viên H i ng qu n tr không i u hành/ c l p c xác nh theo ph ng th c làm tròn xu ng.
2. Các c ông n m gi c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (06) tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi t 5% n d i 10% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 10% n d i 30% c c t i a hai (02) ng viên; t 30% n d i 40% c c t i a ba (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% n d i 60% c c t i a n m (05) ng viên; t 60% n d i 70% c c t i a sáu (06) ng viên; t 70% n 80% c c t i a b y (07) ng viên; và t 80% n d i 90% c c t i a tám (08) ng viên.
3. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo c ch c Công ty quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr công ty. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi t i n hành c .
4. Thành viên H i ng qu n tr không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:
 - a. Thành viên ó không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;
 - b. Thành viên ó g i n b ng v n b n xin t ch c n tr s chính c a Công ty;
 - c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;
 - d. Thành viên ó không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr liên t c trong vòng sáu (06) tháng mà không có s ch p thu n c a H i ng qu n tr và H i ng qu n tr quy t nh ch c v c a ng i này b b tr ng;
 - e. Thành viên ó b bãi nhi m theo quy t nh c a i h i ng c ông.
5. H i ng qu n tr có th b nhi m ng i khác t m th i làm thành viên H i ng qu n tr thay th ch tr ng phát sinh và thành viên m i này ph i c ch p thu n t i i h i ng c ông ngay t i p sau ó. Sau khi c i h i ng c ông ch p thu n, vi c b nhi m thành viên m i ó c coi là có hi u l c vào ngày c H i ng qu n tr b nhi m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr m i c tính t ngày vi c b nhi m có hi u l c n ngày k t thúc nhi m k

c a Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không có lịch sử công tác, thu nhập, mới quy định của Hội đồng quản trị cho nên trừ chi phí đi ra thì lịch sử công tác có sự tham gia bình quy của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có lịch sử.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người làm việc phần của Công ty.

Điều 25. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có ý quyết định tất cả các quy định nhân danh Công ty trừ những quy định thu nhập và lịch sử công tác.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quy định của Hội đồng quy định. Các thành viên Hội đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:

a. Quy định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của Hội đồng thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo nghĩa của Tổng giám đốc điều hành và quy định của công ty;

d. Quy định các cut ch của Công ty;

e. Giám định các khiếu nại của Công ty về việc cán bộ quản lý công nhân viên chức làm việc của Công ty giám định các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý về việc cán bộ quản lý đó;

f. Xử lý các khiếu nại có thể phát hành và tăng số phiếu phát hành theo đúng luật;

g. Xử lý việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quy định cho phép người sở hữu mua phiếu theo mức giá nhất định;

h. Quy định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp lịch sử công tác quy định;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đi làm của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không trái với các quy định theo hợp đồng của nhân viên nếu có;

j. Báo cáo lịch sử công tác của Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;

k. Xử lý các chứng khoán và xác định các chứng khoán; thủ tục về chi trả cổ tức;

l. Xử lý việc thanh lý hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Hội đồng phê duyệt, Hội đồng quản trị tùy tình hình quy định về thẩm quyền, sai phạm và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);
 - d. Chức vụ và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị của Công ty và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thẩm định các khoản thanh toán, bổ nhiệm, bổ nhiệm và bãi nhiệm của Công ty;
 - f. Các khoản thuế không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp từ các công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc nhả giá các tài sản góp vào Công ty không phải liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thuê nhà không quá 10% mức lợi nhuận;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thuê nhà của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định phải có sự chấp thuận trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Hội đồng về hoạt động của mình, có thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị và Hội đồng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện của quyền thay thế) chịu trách nhiệm lao động cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Trách nhiệm lao động cho Hội đồng quản trị do Hội đồng quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận.
8. Trách nhiệm trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác của công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty

và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là i di n ph n v n góp ph i c công b chi ti t trong báo cáo th ng niên c a Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị n m gi ch c v i u hành ho c thành viên Hội đồng quản trị làm vi c t i các t i u ban c a Hội đồng quản trị ho c th c hi n nh ng công vi c khác mà theo Hội đồng quản trị là n m ngoài ph m vi nhi m v thông th ng c a m t thành viên Hội đồng quản trị , có th c tr thêm t i n thù lao d i d ng m t kho n t i n công tr n gói theo t ng l n, l ng, hoa h ng, ph n tr m l i nhu n ho c d i hình th c khác theo quy t nh c a Hội đồng quản trị .
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quy n c thanh toán t t c các chi phí i l i, n, và các kho n chi phí h p lý khác mà h ã ph i chi tr khi th c hi n trách nhi m thành viên Hội đồng quản trị c a mình, bao g m c các chi phí phát sinh trong vi c t i tham d các cu c h p i h i ng c ông, Hội đồng quản trị ho c các t i u ban c a Hội đồng quản trị .

i u 26. Ch t ch Hội đồng quản trị

1. i h i ng c ông ho c Hội đồng quản trị ph i l a ch n trong s các thành viên Hội đồng quản trị b u ra m t Ch t ch. Tr khi i h i ng c ông quy t nh khác, Ch t ch Hội đồng quản trị không kiêm nhi m ch c v T ng giám c i u hành c a Công ty. Vi c Ch t ch Hội đồng quản trị kiêm nhi m ch c T ng giám c i u hành ph i c phê chu n hàng n m t i i h i ng c ông th ng niên.
2. Ch t ch Hội đồng quản trị có trách nhi m tri u t p và làm ch to i h i ng c ông và các cu c h p c a Hội đồng quản trị , ng th i có nh ng quy n và trách nhi m khác quy nh t i i u l này và Lu t Doanh nghi p.
3. Ch t ch Hội đồng quản trị ph i có trách nhi m m b o vi c Hội đồng quản trị g i báo cáo tài chính n m, báo cáo ho t ng c a Công ty, báo cáo ki m toán và báo cáo ki m tra c a Hội đồng quản trị cho các c ông t i i h i ng c ông.
4. Tr ng h p Ch t ch Hội đồng quản trị t ch c ho c b bãi nhi m, Hội đồng quản trị ph i b u ng i thay th trong th i h n m i (10) ngày.

i u 27. Các cu c h p c a Hội đồng quản trị

1. Tr ng h p Hội đồng quản trị b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k Hội đồng quản trị b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c t i n hành trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c Hội đồng quản trị nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t (01) thành viên có s phi u b u cao nh t ngang nhau thì các thành viên này b u m t ng i trong s h tri u t p h p Hội đồng quản trị theo nguyên t c a s .
2. Ch t ch Hội đồng quản trị ph i tri u t p các cu c h p Hội đồng quản trị th ng k , l p ch ng trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t n m (05) ngày tr c ngày h p d ki n. Ch t ch có th tri u t p h p b t k khi nào th y c n thi t, nh ng ít nh t là m i quý ph i h p m t (01) l n.
3. Ch t ch Hội đồng quản trị tri u t p các cu c h p b t th ng khi th y c n thi t vì l i ích c a Công ty. Ngoài ra, Ch t ch Hội đồng quản trị ph i tri u t p h p Hội đồng quản trị , không c trì hoãn

nếu không có lý do chính đáng, khi mặt trong sổ các sổ tính để này ngừng bán và trình bày mục đích cụ thể và các vấn đề nêu trên:

a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 5 (05) cán bộ quản lý khác;

b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

c. Ban kiểm soát.

4. Các cụ thể Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 của Điều 27 phải có tiến hành trong thời hạn 15 (15) ngày sau khi có xuất phát. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp hành thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra với Công ty; những người khác cụ thể của Khoản 3 của Điều 27 có thể tự mình chấp hành Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chấp hành Hội đồng quản trị báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cụ thể Hội đồng quản trị có tiến hành đánh giá ký của Công ty hoặc những cách khác Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thủ tục của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo chấp hành Hội đồng quản trị phải có gửi trực tiếp cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 5 (05) ngày trước khi thực hiện, các thành viên Hội đồng có thể chỉ thông báo miệng bằng văn bản và việc chỉ này có thể có hiệu lực. Thông báo chấp hành phải có làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo ý kiến, thời gian, địa điểm, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề bàn bạc và biểu quyết từ các cụ thể Hội đồng và các phụ thuộc cho những thành viên Hội đồng không thể chấp hành.

Thông báo miệng bằng văn bản, fax, điện thoại hoặc những cách khác, những phụ thuộc báo cáo của các thành viên Hội đồng quản trị có ký tại Công ty.

8. Các cụ thể của Hội đồng quản trị liên tục có tiến hành các quy định khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đi (người cụ thể quy định).

Trường hợp không có thành viên chấp hành theo quy định, các cụ thể phải chấp hành trong thời hạn 15 (15) ngày kể từ ngày diễn ra liên tục. Các cụ thể chấp hành phải có tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị chấp hành.

9. Biểu quyết.

a. Trường hợp nhất định của Khoản 9 của Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người cụ thể quy định có mặt về mặt cá nhân từ các cụ thể Hội đồng quản trị có mặt (01) phụ thuộc biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không có biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không

c tính vào số lượng bị xử lý thi u c n thi t có m t có th t ch c cu c h p H i ng qu n tr v nh ng quy t nh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t ;

- c. Theo quy nh t i i m d Kho n 9 i u 27, khi có v n phát sinh trong m t cu c h p c a H i ng qu n tr liên quan n l i ích c a thành viên H i ng qu n tr ho c liên quan n quy n bi u quy t m t thành viên mà nh ng v n ó không c gi i quy t b ng vi c t nguy n t b quy n bi u quy t c a thành viên H i ng qu n tr có liên quan, nh ng v n phát sinh ó c chuy n t i cho ch to cu c h p quy t nh. Phán quy t c a ch to liên quan n v n này có giá tr là quy t nh cu i cùng tr tr ng h p tính ch t ho c ph m vi l i ích c a thành viên H i ng qu n tr liên quan ch a c công b y ;
- d. Thành viên H i ng qu n tr h ng l i t m t h p ng c quy nh t i i m a và i m b Kho n 4 i u 35 i u l này c coi là có l i ích áng k trong h p ng ó.
10. Thành viên H i ng qu n tr tr c t i p ho c gián t i p c h ng l i t m t h p ng ho c giao d ch ã c ký k t ho c ang d ki n ký k t v i Công ty và bi t b n thân là ng i có l i ích trong ó có trách nhi m công khai b n ch t, n i dung c a quy n l i ó trong cu c h p mà H i ng qu n tr l n u tiên xem xét v n ký k t h p ng ho c giao d ch này. Tr ng h p m t thành viên H i ng qu n tr không bi t b n thân và ng i liên quan có l i ích vào th i i m h p ng, giao d ch c ký v i Công ty, thành viên H i ng qu n tr này ph i công khai các l i ích liên quan t i cu c h p u tiên c a H i ng qu n tr c t ch c sau khi thành viên này bi t r ng mình có l i ích ho c s có l i ích trong giao d ch ho c h p ng liên quan.
11. H i ng qu n tr thông qua các quy t nh và ra ng h quy t trên c s ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ng qu n tr có m t (trên 50%). Tr ng h p s phi u tán thành và ph n i ngang b ng nhau, phi u bi u quy t c a Ch t ch H i ng qu n tr là phi u quy t nh.
12. Cu c h p c a H i ng qu n tr có th t ch c theo hình th c ngh s gi a các thành viên c a H i ng qu n tr khi t t c ho c m t s thành viên ang nh ng a i m khác nhau v i i u ki n là m i thành viên tham gia h p u có th :
- a. Nghe t ng thành viên H i ng qu n tr khác cùng tham gia phát bi u trong cu c h p ;
- b. Phát bi u v i t t c các thành viên tham d khác m t cách ng th i.

Vi c trao i gi a các thành viên có th th c hi n m t cách tr c t i p qua i n tho i ho c b ng ph ng t i n liên l c thông tin khác (k c vi c s d ng ph ng t i n này di n ra vào th i i m thông qua i u l hay sau này) ho c là k t h p t t c nh ng ph ng th c này. Thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p nh v y c coi là “có m t” t i cu c h p ó. a i m cu c h p c t ch c theo quy nh này là a i m mà nhóm thành viên H i ng qu n tr ông nh t t p h p l i, ho c n u không có m t nhóm nh v y, là a i m mà Ch to cu c h p hi n di n.

Các quy t nh c thông qua trong m t cu c h p qua i n tho i c t ch c và t i n hành m t cách h p th c có hi u l c ngay khi k t thúc cu c h p nh ng ph i c kh ng nh b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p này.

13. Ngh quy t theo hình th c l y ý ki n b ng v n b n c thông qua trên c s ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ng qu n tr có quy n bi u quy t. Ngh quy t này có hi u l c và giá tr nh ngh quy t c các thành viên H i ng qu n tr thông qua t i cu c h p c tri u t p và t ch c theo thông l .
14. Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m chuy n biên b n h p H i ng qu n tr cho các thành viên và biên b n ó là b ng ch ng xác th c v công vi c ã c ti n hành trong các cu c h p ó tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i (10) ngày k t khi chuy n i. Biên b n h p H i ng qu n tr c l p b ng ti ng Vi t và ph i có ch ký c a t t c các thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p ho c Biên b n c l p thành nhi u b n và m i biên b n có ch ký c a ít nh t m t (01) thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p.
15. H i ng qu n tr có th thành l p và u quy n cho các ti u ban tr c thu c. Thành viên c a ti u ban có th g m m t ho c nhi u thành viên c a H i ng qu n tr và m t ho c nhi u thành viên bên ngoài theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Trong quá trình th c hi n quy n h n c u thác, các ti u ban ph i tuân th các quy nh mà H i ng qu n tr ra. Các quy nh này có th i u ch nh ho c cho phép k t n p thêm nh ng ng i không ph i là thành viên H i ng qu n tr vào các ti u ban nêu trên và cho phép ng i ó c quy n bi u quy t v i t cách thành viên c a ti u ban nh ng (a) ph i m b o s l ng thành viên bên ngoài ít h n m t n a t ng s thành viên c a ti u ban và (b) ngh quy t c a các ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t t i phiên h p c a ti u ban là thành viên H i ng qu n tr .
16. Vi c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr , ho c c a ng i có t cách thành viên ti u ban H i ng qu n tr c coi là có giá tr pháp lý k c trong trong tr ng h p vi c b u, ch nh thành viên c a ti u ban ho c H i ng qu n tr có th có sai sót.

VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY

i u 28. T ch c b máy qu n lý

H th ng qu n lý c a Công ty ph i m b o b máy qu n lý ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và tr c thu c s lãnh o c a H i ng qu n tr . Công ty có m t (01) T ng giám c i u hành, các Phó T ng giám c i u hành và m t K toán tr ng và các ch c danh kh ác do H i ng qu n tr b nhi m. Vi c b nhi m m i n nhi m, bãi nhi m các ch c danh nêu trên ph i c th c hi n b ng ngh quy t H i ng qu n tr c thông qua m t cách h p th c.

i u 29. Cán b qu n lý

1. Theo ngh c a T ng giám c i u hành và c s ch p thu n c a H i ng qu n tr , Công ty c tuy n d ng cán b qu n lý c n thi t, v i s l ng và ch t l ng phù h p v i c c u và thông l qu n lý công ty do H i ng qu n tr xu t tu t ng th i i m. Cán b qu n lý ph i có s m n cán c n thi t các ho t ng và t ch c c a Công ty t c các m c tiêu ra.
2. M c l ng, t i n thù lao, l i ích và các i u kho n khác trong h p ng lao ng i v i T ng giám c i u hành do H i ng qu n tr quy t nh và h p ng v i nh ng cán b qu n lý khác do H i ng qu n tr quy t nh sau khi tham kh o ý ki n c a T ng giám c i u hành.

i u 30. B nh i m, m i n nh i m, nh i m v và quy n h n c a T ng giám c i u hành

1. H i ng qu n tr b nh i m m t thành viên trong H i ng ho c m t ng i khác làm T ng giám c i u hành; ký h p ng trong ó quy nh m c l ng, thù lao, l i ích và các i u kho n khác liên quan khác. Thông tin v m c l ng, tr c p, quy n l i c a T ng giám c i u hành ph i c báo cáo t i i h i ng c ô ng th ng niên và c nêu trong Báo cáo th ng niên c a Công ty.
2. Nhi m k c a T ng giám c i u hành là ba (03) n m và có th c tái b nh i m. Vi c b nh i m có th h t hi u l c c n c vào các quy nh t i h p ng lao ng. T ng giám c i u hành không ph i là ng i mà pháp lu t c m gi ch c v này.
3. T ng giám c i u hành có nh ng quy n h n và trách nhi m sau:
 - a. Th c hi n các ngh quy t c a H i ng qu n tr và i h i ng c ô ng, k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã c H i ng qu n tr và i h i ng c ô ng thông qua;
 - b. Quy t nh t t c các v n không c n ph i có ngh quy t c a H i ng qu n tr, bao g m vi c thay m t Công ty ký k t các h p ng tài chính và th ng m i, t ch c và i u hành ho t ng s n xu t kinh doanh th ng nh t c a Công ty theo nh ng thông l qu n lý t t nh t;
 - c. K i n ngh s l ng và các lo i cán b qu n lý mà Công ty c n tuy n d ng H i ng qu n tr b nh i m ho c m i n nh i m nh m th c hi n các ho t ng qu n lý t t theo xu t c a H i ng qu n tr, và t v n H i ng qu n tr quy t nh m c l ng, thù lao, các l i ích và các i u kho n khác c a h p ng lao ng c a cán b qu n lý;
 - d. Tham kh o ý k i n c a H i ng qu n tr quy t nh s l ng ng i lao ng, m c l ng, tr c p, l i ích, vi c b nh i m, m i n nh i m và các i u kho n khác liên quan n h p ng lao ng c a h ;
 - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng n m, T ng giám c i u hành ph i trình H i ng qu n tr phê chu n k ho ch kinh doanh chi ti t cho n m tài chính t p theo trên c s áp ng các yêu c u c a ngân sách phù h p c ng nh k ho ch tài chính n m (05) n m;
 - f. xu t nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;
 - g. Chu n b các b n d toán dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty (sau ây g i là b n d toán) ph c v ho t ng qu n lý dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty theo k ho ch kinh doanh. B n d toán hàng n m (bao g m c b ng cân i k toán, báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh và báo cáo l u chuy n t i n t d k i n) cho t ng n m tài chính ph i c trình H i ng qu n tr thông qua và ph i bao g m nh ng thông tin quy nh t i các quy ch c a Công ty;
 - h. Th c hi n t t c các ho t ng khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch c a Công ty, các ngh quy t c a H i ng qu n tr, h p ng lao ng c a T ng giám c i u hành và pháp lu t.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp Hội đồng quản trị và chỉ định công việc của các thành viên và quy định các giao và phi báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc chịu trách nhiệm khi các thành viên Hội đồng quản trị đề nghị có quy định quy tắc tán thành và bổ nhiệm mới Tổng giám đốc chịu trách nhiệm thay thế.

Điều 31. Thủ ký Công ty

Hội đồng quản trị chọn một (01) hoặc nhiều người làm Thủ ký Công ty với nhiệm kỳ và nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm mới hay nhậm Tr lý Thủ ký Công ty tùy tình hình. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký Công ty bao gồm:

1. Chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ định công việc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tổ chức và thực hiện các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các quy định của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thủ ký công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán công lập đang thực hiện vị trí kế toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kế toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chọn một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Tổ chức họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;

- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Hội đồng công.
2. Các công có quy định phần trăm số thành viên Ban kiểm soát. Công có nhóm công nhân từ 5% đến 10% tổng số phần trăm quy định quy định thành phần (01) thành viên; từ 10% đến 30% thành phần hai (02) thành viên; từ 30% đến 40% thành phần ba (03) thành viên; từ 40% đến 50% thành phần bốn (04) thành viên; từ 50% đến 60% thành phần năm (05) thành viên.
3. Trường hợp số lượng các thành viên Ban kiểm soát thông qua và người không số lượng nhân sự, Ban kiểm soát người nào có thể thêm người hoặc bớt người theo chế độ công ty quy định tại Quy định nội bộ quản trị công ty. Chế độ Ban kiểm soát người nào là thành viên Ban kiểm soát phải công bố rõ ràng và phải công bố Hội đồng công thông qua trước khi tiến hành công.
4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng công bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Thành viên Ban kiểm soát không còn các cách thành viên trong các trường hợp sau:
- Thành viên có pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - Thành viên có chức vụ trong bộ phận thông báo công bố nội bộ chính của Công ty;
 - Thành viên có mối quan tâm thân và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những mối quan hệ chuyên môn chức năng gì đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được số phiếu bầu của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định người vắng mặt này bất hợp pháp;
 - Thành viên có cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Hội đồng công.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quy định nhiệm vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều này, chủ yếu là những quy định nhiệm vụ và trách nhiệm sau đây:
- Xuất lập các công ty kế toán công lập, các phí kế toán và mức độ có liên quan;
 - Thảo luận với kế toán viên công lập về tính chính xác và phạm vi kế toán trước khi bắt đầu việc kế toán;
 - Xin ý kiến từ các chuyên gia công lập hoặc từ các pháp lý và các bên tham gia các nhà chuyên gia bên ngoài công ty về kinh nghiệm trình chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nhân sự nhân sự;
 - Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;

- e. Th o lu n v nh ng v n khó kh n và t n t i phát hi n t các k t qu ki m toán gi a k ho c cu i k c ng nh m i v n mà ki m toán viên c l p mu n bàn b c;
 - f. Xem xét th qu n lý c a ki m toán viên c l p và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo c a công ty v các h th ng ki m soát n i b tr c khi H i ng qu n tr ch p thu n; và
 - h. Xem xét nh ng k t qu i u tra n i b và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý.
2. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác ph i cung c p t t c các thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Công ty theo yêu c u c a Ban ki m soát. Th ký Công ty ph i b o m r ng toàn b b n sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung c p cho các thành viên H i ng qu n tr và b n sao các biên b n h p H i ng qu n tr ph i c cung c p cho thành viên Ban ki m soát vào cùng th i i m chúng c cung c p cho H i ng qu n tr .
 3. Ban ki m soát có th ban hành các quy nh v các cu c h p c a Ban ki m soát và cách th c ho t ng c a Ban ki m soát. Ban ki m soát ph i h p t i thi u hai (02) l n m t n m và s l ng thành viên tham gia các cu c h p t i thi u là hai (02) ng i.
 4. M c thù lao c a các thành viên Ban ki m soát do i h i ng c ông quy t nh. Thành viên c a Ban ki m soát c thanh toán các kho n chi phí i l i, khách s n và các chi phí phát sinh m t cách h p lý khi h tham gia các cu c h p c a Ban ki m soát ho c th c thi các ho t ng khác c a Ban ki m soát.

X. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ KHÁC

i u 34. Trách nhi m c n tr ng

Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t cách thành viên các t i u ban c a H i ng qu n tr , m t cách trung th c vì l i ích cao nh t c a Công ty và v i m c c n tr ng mà m t ng i th n tr ng ph i có khi m nhi m v trí t ng ng và trong hoàn c nh t ng t .

i u 35. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i

1. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác không c phép s d ng nh ng c h i kinh doanh có th mang l i l i ích cho Công ty vì m c ích cá nhân; ng th i không c s d ng nh ng thông tin có c nh ch c v c a mình t l i cá nhân hay ph c v l i ích c a t ch c ho c cá nhân khác.
2. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác có ngh a v thông báo cho H i ng qu n tr t t c các l i ích có th gây xung t v i l i ích c a Công ty mà h có th c h ng thông qua các pháp nhân kinh t , các giao d ch ho c cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc cho lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc cho lãnh nêu trên đã có sự chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan như sau:
 - a. Hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc giao dịch có liên quan các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc từ ban liên quan. Ngoài ra, Hội đồng quản trị hoặc từ ban chấp hành cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng các phương pháp thanh toán thành công thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc giao dịch này có liên quan tới các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định về quy tắc vận hành, và những công đồng đó đã chấp thuận thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó có một trong các yếu tố sau đây: công đồng và hợp lý xét trên mối quan hệ liên quan tới các công đồng của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc từ ban chấp hành của Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được công bố của công ty hoặc từ lợi ích khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm về thi hành và bất thành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vì phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự mất mát của công ty và những người chuyên môn phụ thuộc vào trách nhiệm về những thất bại do hành vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bị thiệt hại cho những người khác, hàng hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện tụng, kiện, khởi kiện (bao gồm các vụ kiện dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi làm của Công ty quy định hoặc người đó đã hoặc đang làm theo

yêu cầu của Công ty với cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đi đến theo quy định của Công ty với điều kiện người có hành vi trung thực, cẩn trọng, minh bạch và lợi ích cho công ty không chỉ lợi ích cá nhân của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bất kỳ hành vi xác nhận rằng người có hành vi phạm vi phạm trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo quy định của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đi đến theo quy định của Công ty về Công ty bất kỳ thời điểm khi trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, khiếu nại (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Hành vi trung thực, cẩn trọng, minh bạch và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ pháp luật và không có bất kỳ hành vi nào không thể hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bất kỳ bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong suốt quá trình tố tụng coi là mức hợp lý khi gì quy định này vì vậy trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người có trách nhiệm bất kỳ nêu trên.

XI. QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quy định về sách và hồ sơ

1. Công nhân nhóm công nhân cấp 2 Điều 24 và Điều 32 Điều này có quy định tiếp theo qua người quy định, giám đốc yêu cầu kiểm tra danh sách công nhân, các biên bản họp hội đồng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ có trong giấy tờ và tài liệu chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đi đến quy định của công nhân kèm theo giấy quy định của công nhân mà người đi đến hoặc một bên sao công nhân của giấy quy định này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quy định kiểm tra sổ sách của Công ty, danh sách công nhân và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải công bố.
3. Công ty phải lập Điều này và những bản sao bổ sung Điều này, Giấy chứng nhận kinh doanh, các quy định, các tài liệu chứng minh quy định tài sản, quy định hội đồng và Hội đồng quản trị, biên bản họp hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định pháp luật tài liệu chính hoặc một tài liệu khác với điều kiện là các công nhân và quan hệ kinh doanh công bố và miễn trừ các giấy tờ này.
4. Điều này Công ty phải công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

Điều 38. Công nhân viên và công oàn

1. Tổng giám đốc và hành chính nhân sự phải lập kế hoạch Hàng năm qua thông qua các văn bản liên quan nhân viên tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, nghỉ, bổ nhiệm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật vì người lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng giám đốc và hành chính nhân sự phải lập kế hoạch Hàng năm qua thông qua các văn bản liên quan quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, nhân sự thông lệ và chính sách quy định trong Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LI NHU N

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Việc phân phối lợi nhuận quy định trong chương trình kế toán và hình thức kế toán hàng năm của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quy định tạm ngừng kế toán để kiểm tra xét thấy việc phân phối này phù hợp với lợi ích của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả nợ hay khoản tiền chi trả liên quan tới khoản chi phí.
4. Hội đồng quản trị có thể quyết định việc phân phối lợi nhuận thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần nợ các khoản chi phí và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.
5. Trường hợp kế toán hay khoản tiền khác liên quan tới khoản chi phí của chi nhánh ngân hàng, Công ty phải chi trả ngân hàng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho công ty khác. Việc thanh toán các khoản chi phí liên quan tới Sĩ giao dịch kế toán có thể thực hiện thông qua công ty kế toán hoặc Trung tâm lưu ký kế toán Việt Nam.
6. Các Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, Hội đồng quản trị thông qua quyết định xác định mức ngày chi trả danh sách công ty. Các khoản theo ngày đó, nhân sự ký với cách công ty hoặc người sử dụng các kế toán khác quy định trong kế toán, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhân sự chi phí, nhân sự thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các văn bản khác liên quan đến phân phối lợi nhuận có thể thực hiện theo quy định pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN LÝ, NỘM TÀI CHÍNH VÀ HỒ THỐNG KÊ TOÁN

i u 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của các quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc quốc tế tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

i u 41. Nợ tài chính

Nợ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày ưu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày tháng 31 của tháng 12. Nợ tài chính ưu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày tháng 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

i u 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác của Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Nội dung hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng tiếng Việt Nam (hoặc quốc tế do chuyển đổi trong trường hợp cần thiết) làm đơn vị tính dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THỐNG KÊ NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

i u 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phi kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc nhiệm kỳ tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm để công bố công khai thông qua các quan có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các quan quản lý kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho các quan thuế liên quan và các quan hệ ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính kế toán (bao gồm ý kiến của kế toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải công bố trên website của Công ty.
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quyền kiểm tra hồ sơ sao chép bản báo cáo tài chính năm kế toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giới hạn vì lợi ích của Công ty, thì trừ chi phí của Công ty và phải trả một phần chi phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KẾ TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kế toán

1. Hội đồng công ty thường niên chọn một công ty kế toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kế toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kế toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện tho thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chịu trách nhiệm và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kế toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kế toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kế toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kế toán độc lập gửi kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kế toán viên thành viên của kế toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp hội đồng công ty và các quy định khác thông báo và các thông tin khác liên quan đến hội đồng công ty mà các công ty quy định và các phát biểu ý kiến thì hội đồng công ty có liên quan đến kế toán.

XVII. CON DŨ

Điều 46. Con dũa

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dũa chính thức của Công ty và con dũa các khác theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sản xuất và quản lý con dũa theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẾ ĐỘ THO T R NG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chế độ thoái n g

1. Công ty có thể giải thể hoặc chế độ thoái n g trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thi hành hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã giải ngân;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giám đốc thi hành theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giám đốc Công ty thi hành (kể cả thi hành đã giải ngân) do Điều lệ Công ty quy định, Hội đồng quản trị chấp thuận. Quy định giám đốc này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) theo quy định.

Điều 48. Giải ngân hoạt động

1. Hội đồng quản trị ủy quyền giám đốc Công ty ít nhất bằng (07) tháng trước khi kết thúc thi hành hoạt động Công ty có thể ủy quyền vì việc giải ngân hoạt động của Công ty theo quy định của Hội đồng quản trị.
2. Thi hành hoạt động của giải ngân khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có mặt tại Điều lệ Công ty thông qua.

Điều 49. Thanh lý

1. Từ thời điểm sáu (06) tháng trước khi kết thúc thi hành hoạt động của Công ty hoặc sau khi có mặt quy định giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Điều lệ Công ty chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ các thành viên công ty kế toán trưởng. Ban thanh lý chịu trách nhiệm các quy định hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên Công ty hoặc chuyên gia ngoài. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý của Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kết thúc nhiệm vụ, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tài sản của công ty thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bồi dưỡng cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ (a) và (e) trên đây sẽ phân chia cho các công đồng. Các công đồng ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khi người có liên quan tố cáo Công ty hay tố cáo quy định và nghĩa vụ của các công đồng theo quy định của luật công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định là:

a. Công đồng viên Công ty;

b. Công đồng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan có thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ giải quyết tranh chấp và yêu cầu bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bên nào có thể yêu cầu Hội đồng chuyên gia độc lập hành động với cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thể quy định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ quá trình hòa giải hoặc nếu quy định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bên nào có thể đưa tranh chấp ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên chịu chi phí của mình có liên quan tới tố tụng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SAI LƯU

Điều 51. Bổ sung và sai sót

1. Việc bổ sung, sai sót này phải được Hội đồng xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác về những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆN LỰC

Điều 52. Ngày hiện lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều được Hội đồng thành viên Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Xanh nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-HC ngày 12 tháng 05 năm 2014 và cùng chấp thuận hiện lực toàn văn bản điều lệ này.

Điều lệ này được chỉnh sửa, bổ sung theo mục III điều 11 Nghị quyết số 01/NQ-HC ngày 12 tháng 05 năm 2014.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Mã số (01) ban hành tại Phòng công chứng Nhà nước địa phương

b. Nội dung (05) ban hành ký tịch quan chính quy định theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố ;

c. Ban (04) ban hành tại Trích lục chính của Công ty.

3. Nội dung này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục nội dung Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

H, tên, chữ ký của người đi đại diện theo pháp luật hoặc của các công đồng sáng lập hoặc của người đi đại diện theo quy định của công đồng sáng lập của Công ty./.

